

VỀ CHÍNH SÁCH CỦA MỸ ĐỐI VỚI TRUNG MỸ TỪ NHỮNG NĂM 60 ĐẾN NAY

HÀ VĂN THÂN

TRUNG Mỹ gồm Goatemala, Xanvado, Ondurat, Nicaragua, Cốttrica, Panama và Belixê mới được Anh trao trả độc lập năm 1982. Đây là vùng đất đai phì nhiêu, tài nguyên phong phú khí hậu ôn hòa từ lâu vùng này đã hấp dẫn bọn tư bản cá mập Hoa Kỳ. Chỉ riêng tiền thuế tàu bè qua lại kênh đào Panama đã đem lại cho Mỹ hàng tỉ đô la mỗi năm. Trung Mỹ hấp dẫn đối với Mỹ không chỉ vì nguồn lợi kinh tế, mà chủ yếu vì vị trí chiến lược quan trọng của nó. Trung Mỹ được coi là ngã tư lưu vận giữa Bắc - Nam Mỹ, Đại Tây Dương - Thái Bình Dương qua kênh đào Panama. Nhờ có kênh đào Panama, việc qua lại giữa hai đại dương rút ngắn được 16.032 km. Vùng kênh đào Panama rộng gần 15.000 km², có 14 căn cứ quân sự, 1 cơ sở hậu cần lớn của Mỹ. Vùng Trung Mỹ với diện tích bằng 1/10 diện tích toàn bộ Mỹ Latinh, nhưng có đến 45% số lính Mỹ canh giữ (12.300 trong tổng số 27000 tên) Ngoài lính Mỹ, trong các trung tâm huấn luyện ở Trung Mỹ còn có hàng nghìn lính đánh thuê thuộc các quốc tịch khác. Gần 25 năm trước, lính đánh thuê đã xuất phát từ cảng Bluphiên (Nicaragoa) đổ bộ lên bãi biển Hirón của Cuba. Tay chân của CIA được huấn luyện ở vùng này được tung đi khắp nơi.

Khẳng định tầm quan trọng của Trung Mỹ, trong bài phát biểu với tổ chức các nước Liên Mỹ ngày 22 tháng 2 năm 1982 tổng thống R. Rigán đã nói «đối với Mỹ, vùng biển Caribê là một con đường chiến lược và buôn bán có ý nghĩa sống còn. Gần một nửa tổng số thương mại của Mỹ, và hơn một nửa tổng số nguyên liệu chiến lược được chuyên chở qua kênh đào Panama và Vịnh Mêhicô... Sự yên ổn và an ninh của các nước láng giềng trong khu vực này gắn liền với quyền lợi sống còn của chúng ta» (1). Gần đây trước sự lớn mạnh của du kích Xanvado. Và sự phát triển của cách mạng Nicaragua, đế quốc Mỹ càng tăng cường đối phó, nhằm bảo vệ

những quyền lợi sống còn của chúng ở khu vực này.

Không phải đến bây giờ mà từ lâu dựa vào học thuyết Monrô (châu Mỹ của người châu Mỹ) và với nhiều biện pháp khác nhau, Mỹ đã dần dần biến Trung Mỹ thành khu vực ảnh hưởng hợp pháp tự nhiên của mình. Ngay khi các nước Trung Mỹ mới giành được độc lập (1821), Mỹ đã ngăn cản việc thành lập Liên bang các nước cộng hòa Trung Mỹ. Vì sự tồn tại một Liên bang Trung Mỹ hùng mạnh sẽ ngăn cản bước tiến của chúng xuống phía Nam. Với phương châm «hoặc 5 hoặc không» (năm nước nhỏ hay không một nước nào tồn tại). Mỹ ngấm ngấm xúi dục bọn tay sai gây nội chiến. Cuối cùng Liên bang Trung Mỹ tan vỡ.

Năm 1855, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền Nicaragua, viện cớ «ủng hộ phái tự do», Mỹ đưa quân đội vào nước này hòng thôn tính chiếm đất làm kênh đào. Đội quân đánh thuê do Uyliam Uócơ chỉ huy trong vùng Hải Nam đàn áp dã man, cướp bóc nhân dân Nicaragua, gây cho nước này biết bao nhiêu thảm họa. Trước nguy cơ mất nước, nhân dân Nicaragua đã đoàn kết lại, được sự giúp đỡ của Cốttrica, Ondurat, Xanvado, Goatemala, đã đánh tan mưu đồ của Mỹ.

Đầu thế kỷ này, chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ phát triển mạnh, nhu cầu về thị trường rất to lớn, đã thúc đẩy giới cầm quyền Mỹ đẩy mạnh chính sách bành trướng mở rộng khu vực ảnh hưởng của mình. Các nước Trung Mỹ là một trong những nạn nhân đầu tiên của chính sách này. Năm 1903 lợi dụng lúc Panama đang gặp khó khăn Mỹ đã ép chính phủ Panama ký hiệp định về kênh đào lập ra một chính phủ bù nhìn thân Mỹ.

Năm 1912, nhân lúc nội tình Nicaragua rối ren, Mỹ đưa 3.000 lính thủy đánh bộ vào dưới chiêu bài «giúp đỡ» nước này «giải quyết»

màu thuẫn. Cũng vào thời gian trên, dưới sức ép của lưới lờ, Mỹ buộc Nicaragua ký hiệp ước Boyan - Ciammôro về quyền xây dựng kênh đào của Mỹ nối hai đại dương qua lãnh thổ Nicaragua. Quân Mỹ chiếm đóng Nicaragua tới năm 1925 mới chịu rút.

Sau khi Mỹ rút quân không lâu, chính quyền tay sai thân Mỹ ở Nicaragua phải đương đầu với cuộc khởi nghĩa do Augustô Xexa Xandino lãnh đạo. Trước nguy cơ chính quyền tay sai bị lật đổ, Mỹ vội đưa 5.000 quân vào ứng cứu. Lịch sử Nicaragua lại ghi thêm một trang mới vẻ vang với cái tên Xandino bất diệt. Dưới sự lãnh đạo của ông, cuộc chiến đấu không cân sức kéo dài 7 năm đã giành được thắng

lợi. Năm 1933 quân Mỹ buộc phải rút khỏi Nicaragua.

Chính sách «chiếc gậy lớn» của Oasinhton đối với Trung Mỹ được sửa đổi trong chiến tranh thế giới lần thứ II, để tập trung sức lực, vơ vét nguyên liệu phục vụ cho chiến tranh. Những năm sau, trong bầu không khí «chiến tranh lạnh» chúng lại dùng chính sách «chiếc gậy lớn» đối với Trung Mỹ. Chúng trắng trợn can thiệp vào cách mạng Goatemala (1944 - 1954). Tiếp đó, dựa vào thể chế của Hiệp ước tương trợ châu Mỹ (1947), Tổ chức các nước liên Mỹ (1948)... Mỹ ngày càng tìm cách cột chặt các nước Trung Mỹ trong phạm vi phụ thuộc vào Mỹ.



Tình hình thế giới đầu thập kỷ 80 được đánh dấu bằng những thay đổi giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng. Thực chất của thay đổi trên là sự phát triển mạnh mẽ của 3 dòng thác cách mạng và sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và các thế lực phản động tay sai của chúng, sự thay đổi đó biểu hiện rõ nét ở sự lớn mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ở thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam và Đông Dương. Ở Mỹ latinh, tuy so sánh lực lượng có lợi cho Mỹ và các chính quyền thân Mỹ, nhưng cách mạng Cuba vẫn giành thắng lợi và trở thành tấm gương sáng cho các dân tộc vùng này.

Dưới tác động của so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, phong trào đấu tranh chống Mỹ và các chính quyền tay sai thân Mỹ ở Trung Mỹ đã phục hồi sau thời kỳ tạm lắng xuống do cuộc đàn áp cách mạng Goatemala năm 1954. Các cuộc biểu tình chống Mỹ ở Pauama đòi chủ quyền đối với kênh đào diễn ra quyết liệt kể cả xung đột với quân Mỹ. Các đội du kích của các lực lượng yêu nước được thành lập ở Goatemala, Ondurat, Xanvado. Sự ra đời của Mặt trận Giải phóng dân tộc Xandino ở Nicaragua có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ độc tài, khát máu thân Mỹ Xomôxa sau này.

Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ từ đầu những năm 60 đã làm thay đổi nhận thức của các nhà chiến lược Mỹ. Chính tổng thống Kenodi thừa nhận, «Trung tâm của cuộc đụng độ giữa hai hệ thống đối địch dân dân chuyển sang thế giới đang phát triển... rằng cách mạng giải phóng dân tộc là một sự kiện cơ bản của thời đại chúng ta, cuộc chiến đấu không phải diễn ra ở Châu Âu mà ở Á, Phi, Mỹ latinh» (2).

Trước tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và không có lợi cho Mỹ, Nhà trắng buộc phải áp dụng những sách lược mềm dẻo hơn ngay đối cả với những láng giềng nhỏ bé như Trung Mỹ. Chiến lược «Liên minh vĩ tiến bộ» ra đời trong bối cảnh đó. Kennodi đã nhiều lần chỉ trích chính sách vì lợi ích của Mỹ trước kia nặng về kinh tế, quá sự mà sao nhãng các vấn đề văn hóa - xã hội. Theo Kennodi, thông qua viện trợ phải làm cho các nước bạn «không những phục Mỹ mạnh, giàu mà còn mê lối sống, văn minh Mỹ». Bằng viện trợ, cải cách kinh tế, xã hội. Nhà trắng muốn ngăn chặn ảnh hưởng của Cuba đối với các nước Trung Mỹ và ngăn chặn phong trào giải phóng ở khu vực này. Bên cạnh viện trợ kinh tế và truyền bá văn hóa Mỹ, Mỹ không ngừng chèn ép các tổ chức kinh tế của các nước đang phát triển, mà khối thị trường chung Trung Mỹ là một ví dụ. Ra đời vào năm 1960, khối này đảm bảo cho các nước thành viên quyền tự do buôn bán. Việc buôn bán giữa các nước Trung Mỹ không phải chịu thuế, trong khi vẫn giữ nguyên hàng rào thuế quan đối với các nước khác. Thấy quyền lợi của mình bị đe dọa, Mỹ một mặt gây sức ép về kinh tế, mặt khác viện cớ vì sự «phồn vinh, tiến bộ» khu vực đã yêu cầu các nước Trung Mỹ nối lỏng hàng rào thuế quan đối với bạn hàng truyền thống (Mỹ). Vì bản thân những hoạt động của khối thị trường chung Trung Mỹ phụ thuộc vào các ngân hàng của Mỹ, nên cuối cùng các nước Trung Mỹ buộc phải chiểu ông hàng xóm khổng lồ. Sau khi phá vỡ sự ngăn cản của Khối thị trường chung Trung Mỹ, tư bản Mỹ tăng cường đầu tư vào mọi lĩnh vực kinh tế ở khu vực. Lợi dụng hàng rào thuế quan bị xóa bỏ, công ty Deonneraitavo và Phairoxtau đã cho xây dựng nhà máy sản xuất sắt lớp ôtô tại Goatemala. Cờ-

xtarica. Sản phẩm của nhà máy do dân nhân hiệu «chế tạo tại Trung Mỹ» được tung đi khắp các nước trong khu vực không bị đánh thuế nên tư bản Mỹ thu được những món lãi vô cùng lớn.

Tư bản độc quyền Mỹ còn sử dụng những hình thức liên doanh giữa Mỹ và các nước Trung Mỹ, như nhà máy Plurótichca. Trên danh nghĩa, nhà máy do Mỹ và Xanvado cùng đầu tư kinh doanh, nhưng công ty ESSO (Mỹ) chiếm 92% cổ phần và hiện nhiên nổ nắm quyền điều khiển.

Ngoài ra, Mỹ không loại trừ các thủ đoạn quen thuộc như cho vay lãi thông qua các Ngân hàng liên Mỹ, Ngân hàng Trung Mỹ... Với những thủ đoạn trên và thông qua các tập đoàn tư bản lũng đoạn, Mỹ khống chế toàn bộ các ngành kinh tế khu vực.

Nền kinh tế các nước Trung Mỹ chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Sản lượng nông phẩm xuất khẩu chiếm tới gần 90% trong tổng số hàng xuất khẩu cả khu vực. Từ lâu, ngành kinh tế quan trọng này đã rơi vào tay Công ty liên hợp hoa quả Mỹ. Công ty này đã thực sự trở thành «nhà nước trong nhà nước». Nó là con «bạch tuộc xanh» thò vòi vào mọi lĩnh vực đời sống khu vực, và thâu tóm những vùng đất canh tác phì nhiêu nhất. Công ty tự qui định giá cả xuất khẩu, thậm chí còn có luật lệ, nhà tù, cảnh sát riêng trong lãnh thổ Công ty.

Trong lĩnh vực giao thông công ty IRCA làm chủ, còn Giêneran electorich thâu tóm toàn bộ ngành sản xuất đồ điện dân dụng.

Hãy lấy ví dụ ở Xanvado, diện tích không bằng bang Matxachuxít (Mỹ) mà có gần hai chục công ty, chi nhánh ngân hàng Mỹ thao túng: Công ty Phenxơ Đốtgiơ: cấp đồng điện thoại xuất khẩu, ALCOA: sản xuất nhôm, Vextingara: mô-tơ, bóng điện, Amerikenstang-đan: máy điều hòa nhiệt độ, Téchdót Strumen, Keiêlectorich: đồ điện, đài bán dẫn...

Với những chính sách kinh tế thâm hiểm trên, đế quốc Mỹ đã biến Trung Mỹ thành nơi cung cấp nông phẩm và tiêu thụ hàng công nghiệp Mỹ. Đến cuối những năm 60, hàng Panama xuất sang Mỹ chiếm 75% trong tổng số hàng xuất khẩu, Ondurát - 58,4%, Côtxtarica - 35,9%, Nicaragua hơn 50%. Panama phải nhập 54,4% hàng Mỹ trong tổng số hàng nhập khẩu. Goatêmala 40,4%. (3).

Chính sách kinh tế chỉ là nhằm phục vụ cho mục tiêu chính trị. «Liên minh vì tiến bộ» ngay từ khi ra đời đã hướng tới việc chống Cộng sản. Điều đó thể hiện ở điều khoản Puntaden Este (tháng 8 - 1961) và điều khoản bổ sung đặc biệt cho Luật viện trợ nước ngoài năm (1963).

Ngoài ra, để củng cố vai trò thống trị của mình, Mỹ ràng buộc các nước Trung Mỹ bằng những hiệp ước tay đôi. Hiệp ước Mỹ - Goatêmala (1953), Mỹ - Nicaragua (1965). Những nước không có hiệp ước tay đôi chính thức thực chất cũng nằm trong sự bảo trợ của Mỹ hay tổ chức liên Mỹ (OEA).

Trong khi chính sách «liên minh vì tiến bộ» được đưa lên hàng đầu, Mỹ vẫn không ngần ngại vùng gậy ra khi cần như đàn áp cuộc biểu tình ngày 9 tháng 1 năm 1964 ở Panama làm 21 người chết, hàng trăm người bị thương.

Cuối những năm 60, chính sách quân sự của Mỹ được áp dụng thô bạo hơn nhất là sau khi Giônxon làm tổng thống. Giônxon đã cho lính can thiệp vũ trang vào Đominica năm 1965, đồng thời lôi kéo các nước chư hầu tham gia. Trong số 6 nước cùng Mỹ can thiệp vào Đominica, có tới 4 nước Trung Mỹ. Ondurát, Xanvado, Nicaragua, Côtxtarica và hai nước khác là Paragoay và Bradin.

Đối với các nước Trung Mỹ vào thời kỳ này, Mỹ hết sức né tránh sự đụng độ trực tiếp giữa nhân dân khu vực với quân đội Mỹ và giao chức năng đàn áp này cho quân đội bù nhìn các nước Trung Mỹ. Quân cảnh vệ quốc gia (Nicaragoa) đóng vai trò tích cực nhất. Nó trở thành điển hình không chỉ đối với các nước Trung Mỹ mà đối với châu Mỹ latin. Mỹ trang bị, huấn luyện cho quân đội các nước khu vực, biến chúng thành những đội quân tàn bạo, trên đất nước của chúng. Chỉ tính từ năm 1950 tới 1972, có 1851 sỹ quan các nước Trung Mỹ được đào tạo tại Mỹ, 1227 tên tại các căn cứ quân sự ở vùng kênh đào Panama (4).

Nhìn chung, những năm 60, Mỹ một mặt dùng những biện pháp mềm dẻo như cải cách kinh tế, xã hội, một mặt dựa vào quân đội tay sai để ngăn ngừa sự bùng nổ những mâu thuẫn xã hội sâu sắc ở vùng Trung Mỹ.



Từ đầu những năm 70 sự phát triển của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã cổ vũ phong trào chống đế quốc ở nhiều nơi trên thế giới. Ở Châu

Á đồng thời với thắng lợi của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào và Campuchia giải phóng hoàn toàn tổ quốc vào năm 1975, năm 1979 cách mạng Ăngganixtan thắng lợi, phong trào

chống Mỹ bùng lên ở Tây Á từ giữa những năm 1970. Ở châu Phi phong trào giải phóng dân tộc ở Angola, Môdambích Ghinê bitxô và Cápve, thắng lợi hoàn toàn vào năm 1974-1975. Cùng thời gian đó, năm 1974 Cách mạng dân tộc dân chủ Etiôpia thắng lợi... Ở châu Mỹ-latinh, phong trào đấu tranh bảo vệ chủ quyền, đòi cải thiện dân sinh, dân chủ phát triển mạnh mẽ. Một loạt các chính phủ tiến bộ ra đời trong thời kỳ này như Chilê, Ecuvadó (1970), Venêduyêla (1974). Các chính phủ trên bắt đầu thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế sự lũng đoạn của tư bản Mỹ như việc quốc hữu hóa các cơ sở kinh tế tư bản Mỹ vì lợi ích của đất nước mình. Các nước Mỹ latinh, bắt chấp sự đe dọa của Mỹ, ngày càng mở rộng quan hệ buôn bán với các nước tiến bộ trên thế giới, kể cả các nước xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1970 tới 1977 buôn bán giữa các nước Mỹ latinh (trừ Cuba) với các nước thành viên khối SEV tăng từ 467,9 triệu tới 2,3 tỉ đôla (5). Các nước Mỹ latinh ngày càng đóng vai trò tích cực trong đời sống chính trị thế giới, nhất là sự ủng hộ, tham gia đối với phong trào không liên kết. Năm 1964, cả Mỹ latinh chỉ có Cuba là quan sát viên ở Hội nghị phong trào không liên kết thì tới Hội nghị phong trào không liên kết lần thứ III họp ở Cairo năm 1973, đã tăng lên 7, tới Hội nghị lần thứ IV họp tại Lahabana năm 1979 có 11 đoàn đại biểu Mỹ latinh (6).

Cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Mỹ chống đế quốc Mỹ và tay sai cũng phát triển mạnh. Năm 1968, chính phủ tiến bộ do Tôrihốt cầm đầu được thành lập ở Panama đã tiến hành quốc hữu hóa nhiều cơ sở kinh tế của tư bản Hoa kỳ và đấu tranh quyết liệt đòi thu hồi lại kênh đào Panama. Những cuộc tiến công quân sự của mặt trận giải phóng dân tộc Xandinô ở Nicaragua từ 1970 tới 1974 làm đảo lộn tình thế chiến trường, đẩy chính quyền tay sai của Mỹ vào thế bị động.

Trước tình hình trên, các nhà chiến lược Oasinhton lại vắt óc tìm ra những phương sách mới đối với Trung Mỹ và Mỹ latinh. Tổng thống Nichxon thú nhận «cao vọng Hoa Kỳ muốn lãnh đạo toàn thế lực địa tiến tới dân chủ và tiến bộ... không còn đứng vững được nữa trong một thời kỳ dân chúng châu Mỹ latinh có nhiều kỳ vọng cấp bách và đòi hỏi về quyền hạn và khả năng của họ tự quyết định lấy tương lai» (7).

Học thuyết Nichxon xuất hiện tháng 7 năm 1969 mà nội dung là nhằm ổn định và tăng cường «sức mạnh» của Mỹ về quân sự, kinh tế, «chia sẻ trách nhiệm với các đồng minh», (dùng các nước tay sai phục vụ lợi ích của Mỹ). Học thuyết đó được thể hiện ở khu vực

Mỹ latinh bằng «sự có mặt hạn chế» và «chia sẻ rộng rãi hơn về tư tưởng, trách nhiệm».

Đối với Trung Mỹ, sự «có mặt hạn chế của Mỹ» được bù đắp bằng sự nỗ lực hơn của các chính quyền tay sai. Mỹ tăng cường viện trợ kinh tế, quân sự cho các nước Trung Mỹ, đặc biệt đối với Nicaragua nơi mà tên độc tài Xamôxa đang đứng trước nguy cơ bị lật đổ trước sức tiến công mạnh mẽ của FSLM. Chỉ riêng lĩnh vực quân sự, trong vòng 4 năm 1970 - 1974 Mỹ đã gấp rút đào tạo cho quân cảnh vệ quốc gia của Xamôxa 4.000 lính, sỹ quan và giao cho một số vũ khí trị giá 32 triệu đôla. Cố vấn Mỹ còn vạch kế hoạch, chỉ huy các cuộc hành quân chống du kích với hy vọng quân đội sẽ làm chủ lại tình thế, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn lực lượng FSLM, củng cố trật tự tại Trung Mỹ.

Đề cho các nước Trung Mỹ yên tâm chính sách «cùng chia sẻ trách nhiệm», năm 1971 Mỹ hủy bỏ Hiệp ước Boyan - Chamôn về quyền đào kênh nối hai đại dương qua lãnh thổ Nicaragua. Cùng năm đó, Mỹ ký một thỏa ước công nhận chủ quyền của Ondurat đối với quần đảo Swan và cam kết mở rộng các cuộc đàm phán về kênh vào với Panman.

Nửa cuối những năm 70, trong lúc Mỹ còn chưa dứt ra khỏi cơn ác mộng Việt Nam thì hàng loạt các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc có xu hướng xã hội chủ nghĩa đã thành công ở Angola, Etiôpia, Nam Yemen v.v... Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc, sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa đã ảnh hưởng lớn đến châu Mỹ latinh. Các nước Mỹ latinh đã cố gắng vươn lên trong mọi lĩnh vực nhằm phá vỡ sự độc quyền của Mỹ. Thời kỳ này, trình độ sản xuất của một số nước Mỹ latinh phát triển cao, nhiều ngành công nghiệp có khả năng bổ sung, thay thế được các mặt hàng vốn phải nhập của Mỹ hay các nước tư bản phát triển. Đồng thời ý thức của các nước Mỹ latinh vươn lên làm chủ lấy vận mệnh đất nước mình thể hiện rõ rệt hơn qua Tuyên ngôn Vinden Mác (1969), Tuyên ngôn Kito (1973) và sự thành lập hệ thống kinh tế của các nước Mỹ latinh. Tổng thống Cato đã phải thú nhận: «Các nước Mỹ latinh ngày càng đóng những vai trò độc lập và quan trọng hơn trong các vấn đề chính trị thế giới, chúng ta đã bắt đầu xây dựng được các mối quan hệ bình thường, cân bằng và bình đẳng hơn» (8).

Biểu hiện đầu tiên là việc Mỹ đồng ý đàm phán với Panama ở cấp cao nhất về vấn đề kênh đào. Từ năm 1968, cuộc đấu tranh của nhân dân Panama diễn ra quyết liệt thu hồi lại kênh đào. Mỹ cũng thấy rằng, nếu không

đi đến ký hiệp định về kênh đào thì không những quan hệ Mỹ - Panama bị rạn vỡ mà quyền lợi lâu dài của Mỹ cũng bị đe dọa. Bởi vậy, ngày 7 tháng 9 năm 1977, Mỹ đã ký hiệp định mới về kênh đào. Theo hiệp định này, Mỹ công nhận chủ quyền của Panama đối với vùng kênh đào và chuyển giao dần quyền quản lý, điều khiển kênh đào cho Panama vào năm 2.000. Mỹ phải triệt thoái dần các căn cứ quân sự ở khu vực kênh đào và tăng dần tiền thuế cho Panama... Thắng lợi lớn của nhân dân Panama từng bước chấm dứt chính sách thuộc địa của Mỹ đối với kênh đào kéo dài hơn 80 năm nay. Thắng lợi ngoại giao trên và những cuộc tiến công quân sự như vũ bão của FSLM' chứng tỏ cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Mỹ không những không bị ngăn chặn, mà còn phát triển. Nhằm xoa dịu nhân dân Trung Mỹ lôi kéo các lực lượng dân chủ, trung gian ở Trung Mỹ và lấy lòng nhân dân Mỹ, Cator dấy lên chiến dịch « nhân quyền ». Vin vào chiến dịch này, Cator đã cắt viện trợ đối với một số nước có sự « vi phạm nhân quyền » như Xanvado, Goatemala (năm 1977), để ép họ.

Chính sách mỵ dân của Cator đã không thu được kết quả mong muốn. Sự sụp đổ của chế độ độc tài khát máu Xô-mô-xa ở Nicaragua năm 1979 làm cho mâu thuẫn ở Nhà trắng ngày càng tăng. Phe cánh Đảng cộng hòa kịch liệt chỉ trích Cator từ việc ký Hiệp định về kênh đào Panama đến việc đề mất Nicaragua - đồng minh trung thành nhất của Mỹ ở Trung Mỹ.

Trước những biến động ở khu vực, đến cuối thời cầm quyền, Cator phải điều chỉnh

chính sách đối với Trung Mỹ theo hai hướng chính: một mặt, Mỹ tăng cường sự « quan tâm » đối với Trung Mỹ - Caribe. Chỉ trong hai năm từ 1977 tới 1979 số lượng các nhà ngoại giao Mỹ ở khu vực trên tăng 16%, đội quân hòa bình tăng 64%. Mặt khác, Cator tìm cách gỡ lại tình thế thất bại ở Nicaragua như mua chuộc, lôi kéo các nhà lãnh đạo cách mạng. Cator còn đề nghị quốc hội thông qua khoản viện trợ khẩn cấp 75 triệu đôla cho Nicaragua để xoay chuyển tình hình. Đề nghị này bị phe đối lập gạt bỏ vì « sau 7-1979 giúp Nicaragua nghĩa là cung cấp cho du kích FSLM vũ khí, phương tiện « đe dọa » các đồng minh khác của Mỹ ở Trung Mỹ ». Rút kinh nghiệm qua thất bại ở Nicaragua. Cuối năm 1979 Mỹ đã thành lập những đơn vị thuộc lực lượng « triển khai nhanh » nhằm ứng cứu kịp thời cho các tay sai của Mỹ và bảo vệ những quyền lợi của Mỹ, ở ngoài nước. Đến giữa năm 1983 lực lượng này đã tăng lên 3 sư đoàn, một số đơn vị tác chiến độc lập, 11 phi đội hơn 700 chiếc máy bay và 28 máy bay ném bom chiến lược, 3 tàu sân bay (*) Đầu năm 1980, Cator còn gửi Quốc hội một bản điều trần về tình hình thế giới, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết có mặt quân đội Mỹ ở những nơi « quyền lợi » Mỹ bị « đe dọa » như Trung Mỹ.

Trong một nhiệm kỳ, tổng thống Cator với chính sách, « bảo vệ nhân quyền » và những lý lẽ dàn chủ bịp bợm đã không củng cố được « sức mạnh » của Mỹ ở Trung Mỹ. Đến cuối nhiệm kỳ, Cator lại phải vứt bỏ mặt nạ dân chủ, vung chiếc gậy « ngăn đe » và đề bảo vệ quyền lợi của Mỹ.



Sự lo âu của Mỹ về tình hình Trung Mỹ vào đầu những năm 80 ngày càng tăng do việc chế độ độc tài Xô-mô-xa bị lật đổ, phong trào du kích phát triển mạnh ở Goatemala, Xanvado. Do vậy, chính sách của đế quốc Mỹ đối với Trung Mỹ có những thay đổi cơ bản. Bước vào Nhà trắng, tổng thống R. Rigan phủ nhận chính sách « nhân quyền » của Cator, thay nó bằng chính sách cứng rắn, đe dọa can thiệp trực tiếp và y chọn Trung Mỹ làm nơi thí điểm.

Theo đánh giá của Rigan: chưa bao giờ quyền lợi của Mỹ ở Trung Mỹ bị đe dọa nghiêm trọng như hiện nay. Mỹ cần phải dùng những biện pháp cần thiết để lập lại trật tự; giữ vững quyền lợi Mỹ ở khu vực cũng như những nơi khác trên thế giới. Rigan buộc tội Cator nhu nhược, và « đường như bán rẻ quyền lợi Mỹ ». Trên trường

quốc tế, Mỹ hy vọng vào chính sách đối đầu can thiệp, liên kết với các thế lực phản động chống lại Liên Xô, cộng đồng xã hội chủ nghĩa, giành lại ưu thế về kinh tế, quân sự...

Đề chuẩn bị cho việc thực hiện chính sách cứng rắn đối với Trung Mỹ, Oasinhton làm rùm beng cái gọi là « chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế ». Đề bào chữa cho việc tăng cường lực lượng quân sự, Mỹ nhai lại « thuyết Đô-ainô » mà chúng đã dùng để viện cớ can thiệp vào Việt Nam.

Tháng 5-1980 Xantophe - một Ủy ban cực kỳ phản động trong giới thân cận Rigan thảo ra « chính sách Liên châu Mỹ những năm 1980 ». Các tác giả lại một lần nữa chỉ trích Cator thiên về phòng thủ không đáp ứng được những nhu cầu của Mỹ ở Mỹ latin và nhất là Trung Mỹ: « Việc chúng ta sao nhãng làm cho những người anh em láng giềng phương

nam nghĩ là Mỹ không quan tâm tới số phận của họ... và đẩy họ đến với Nga Xô viết" (10).

Tình hình Trung Mỹ theo đánh giá của Ủy ban Xantophe: Panama đang bị giới quân sự cánh tả (ám chỉ Tôrihốt) nắm quyền, cộng sản chiếm Nicaragua, phong trào du kích Xanvado và chính phủ của những người Xandinô ở Nicaragua đang đe dọa các nước Trung Mỹ khác. Từ tình hình trên, Ủy ban Xantophe đòi chính phủ Mỹ phải thông qua những biện pháp cần thiết để uốn nắn lại tình hình Trung Mỹ, không cho xuất hiện thêm một «Cuba mới» nữa.

Nhà trắng và Lầu năm góc tự cho mình quyền ném vào Trung Mỹ những lực lượng vũ trang cần thiết để can thiệp. Rigán tuyên bố «đó (Trung Mỹ) là mảnh vườn con của tôi, nhưng trong mảnh vườn ấy đang mọc lên những đám cỏ dại như Nicaragua và Xanvado. Để diệt những loại cỏ ấy cần phải dùng Nap-sapan và bom» (11).

Nhằm chuẩn bị can thiệp trực tiếp và đe dọa, năm 1983, lấy cớ tập trận «Grenadero - I» kéo dài gần 6 tháng, Mỹ phái đến bờ biển Nicaragua một hạm đội mạnh và đưa hàng ngàn binh lính vào Ondurát. Trong cuộc tập trận lớn khác «Bicpain 2» có hàng chục nghìn lính Mỹ tham gia với 3 tàu mang vũ khí tên lửa, 16 tàu chiến và hơn 200 máy bay các loại. Chúng tập đổ bộ lên một vùng duyên hải cách Nicaragua không xa;

Đầu năm 1985 Mỹ lại mở cuộc tập trận mới «Cây thông 3» trên lãnh thổ Ondurát. Trong lúc cuộc tập trận này chưa kết thúc thì từ ngày 18-4 hơn 6 nghìn quân Mỹ - Ondurát lại mở cuộc tập trận mới ở vùng biển Ondurát mang tên «Con đường thế giới 85» chỉ cách lãnh thổ Nicaragua 90 km. Đồng thời với việc tăng cường lực lượng quân sự của Mỹ. Tháng 5 năm 1985 tổng thống R. Rigán lại đưa ra cái gọi là kế hoạch «hòa bình». Trong kế hoạch này Rigán yêu cầu chính phủ Nicaragua thương lượng với bọn tàn quân Xamôxa và bọn phản động lưu vong tay sai Mỹ. Mỹ còn nêu điều kiện là nếu tới tháng 6-1985 không đáp ứng được yêu cầu trên Mỹ sẽ tăng cường viện trợ cho các lực lượng chống chính phủ đầy mạnh chiến tranh chống phá cách mạng. Đây là một «tối hậu thư», ngang ngược nhằm gây sức ép buộc Nicaragua phải hạ vũ khí đầu hàng trước cuộc chiến tranh không tuyên bố của Hoa Kỳ.

Trong những năm qua đế quốc Mỹ đã bỏ ra hàng trăm triệu đôla để nuôi dưỡng, huấn luyện, trang bị cho tàn quân Xamôxa và các nhóm phản động khác rồi tung về phá hoại công cuộc xây dựng lại đất nước của nhân

dân Nicaragua. Mỹ đang biến Ondurát, Côt-xtarica thành những căn cứ quân sự không lồ phục vụ cho mưu đồ trên của Mỹ. Những căn cứ ở hai nước này từ chỗ chỉ có thể huấn luyện vài trăm quân phần động năm 1982, đến 9.000 tên năm 1983 và 15.000 tên cuối 1984. Lầu năm góc và CIA còn rải mìn phòng tỏa các hải cảng lớn, xâm phạm vùng trời, uy hiếp biên giới của Nicaragua từ phía Bắc và Nam. Với bản chất vừa ăn cướp, vừa la làng, Mỹ vu cáo Nicaragua ủng hộ du kích Goatemala, Xanvado, nhằm che đậy hành động can thiệp của mình. Sự đe dọa ở đây phải chăng là những thành tựu của nhân dân Nicaragua trong cải cách ruộng đất, thanh toán nạn mù chữ và trong việc bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng.

Đối với Xanvado, lấy cớ các âm mưu can thiệp vào nước này từ bên ngoài («từ Managua, Lahabana, Mátxcova và thậm chí Việt Nam» (1), Mỹ tăng cường viện trợ vũ khí, huấn luyện, chỉ huy quân nguy chống du kích yêu nước Xanvado.

Như vậy, trong một thời gian ngắn đế quốc Mỹ đã tăng cường lực lượng vũ trang của Mỹ ở Trung Mỹ, đồng thời tăng cường sức mạnh quân sự cho các tập đoàn, các nhóm phản động khu vực để chống lại cách mạng Nicaragua và phong trào du kích yêu nước Xanvado. Đe dọa, can thiệp vốn là quốc sách của Rigán đối với Trung Mỹ. Việc can thiệp vũ trang vào Grenada là một dẫn chứng. Sự đe dọa, can thiệp vũ trang của đế quốc Mỹ ở Trung Mỹ luôn gắn liền với miếng mồi kinh tế - nghĩa là vừa vung gậy vừa chia «cà cọt», nhằm duy trì quyền lợi thống trị lâu dài của tư bản độc quyền Mỹ. Đây là vũ kích cũ được Rigán trình diễn lại dưới lời quảng cáo «trấn an khu vực bằng sự phát triển». Rigán chính thức công bố «Kế hoạch Miasan nhỏ» ngày 21 tháng 2 năm 1982 tại hội nghị tổ chức các nước Liên Mỹ (sau đổi thành «sáng kiến Caribe»).

Theo «sáng kiến Caribe» Mỹ sẽ bỏ bớt những hạn chế trong chính sách thuế quan đối với những mặt hàng xuất khẩu của Trung Mỹ, Caribe. Mỹ hứa giúp các nước khu vực 5 tỉ đôla để họ «vượt qua» khủng hoảng kinh tế nặng nề này. Rigán hứa sẽ giành 350 triệu đôla viện trợ kinh tế, 60 triệu đôla viện trợ quân sự trong năm đầu kế hoạch «sáng kiến Caribe». Thực tế 2/3 số ngân sách trên dành cho «những người bạn» Xanvado. Trước đó, năm 1981, Mỹ đã viện trợ cho Xanvado 160 triệu đôla.

So với «Liên minh vì tiến bộ» thì «sáng kiến Caribe» có phạm vi hẹp hơn nhưng thực chất

vấn là chống cộng. Sáng kiến này cốt để Mỹ hạ hoi, tếp sức cho bọn tay sai đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Cùng với những chính sách khác, chính sách kinh tế của Mỹ chỉ nhằm cột chặt hơn nữa các nước Trung Mỹ trong vùng phụ thuộc, buộc Nicaragua cách mạng phải khuất phục do tình trạng đói kém và những khó khăn về kinh tế.



Chính sách của Mỹ đối với Trung Mỹ đã thay đổi qua nhiều thời kỳ tùy theo tình hình cụ thể tương quan lực lượng trên thế giới và khu vực. Nhưng dù chính sách đó có được

biến hóa thế nào chăng nữa thì xuyên suốt mọi thời kỳ vẫn là chính sách kinh tế nô dịch với những hình thức đầu tư trực tiếp, cho vay nặng lãi, liên doanh hay hợp tác, viện trợ... để nhằm duy trì và củng cố quyền lợi, sự thống trị của Mỹ đối với khu vực có tầm chiến lược quan trọng như Trung Mỹ.

Ngày nay, chính sách hiếu chiến của Rigan làm dư luận tiến bộ thế giới lo lắng, nhất là sau cuộc can thiệp vũ trang của Mỹ vào Grenada. Nhân dân Nicaragua, và các nước Trung Mỹ đang cùng toàn thể loài người tiến bộ nâng cao cảnh giác hơn nữa để đánh tan chính sách phiêu lưu của đế quốc Mỹ.

Chú thích.

(1) Báo «Ở nước ngoài» số 4-1984, tr. 4 (tiếng Nga).

(2) Báo «Nhân dân» ngày 27 tháng 2 năm 1982.

(3) Mennhicép U. M. «Những học thuyết về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ». Mátxcova 1978, tr. 212, 217. (tiếng Nga).

(4) Travaxép K.X. «Các nước thế giới». Mátxcova 1969, tr. 72. (tiếng Nga).

(5) Tạp chí «Mỹ latin» số II-1984, tr. 7. (tiếng Nga).

(6) A. N. Glinkin. B. Ph. Máctunốp, P. P. Ia-cốp-lốp. «Sự tiến triển chính sách Mỹ-Mỹ la-

tin» của Mỹ». NXB Khoa học, Mátxcova.

(7) Tạp chí «Mỹ latin» 4-1979, 1-1980.

(8) «Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong thập niên 1970» Thông điệp về chính sách đối ngoại của Nixon ngày 9 tháng 2 năm 1972, tr. 126.

(9) Tài liệu tham khảo TTXVN 19-4-1977.

(10) Tạp chí «Mỹ latin», số 7. 1984 tr. 23. tiếng Nga.

(11) Như trên, số 3-1980, tr. 8 (tiếng Nga).

(12) «Atrique-Asie», Paris, số 298, tr. 46. (tiếng Pháp).